

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4757~~ UBND-KT
V/v dự kiến nhu cầu vốn và
cam kết giải ngân vốn đầu
tư công năm 2021, 2022
Chương trình MTQG phát
triển KT-XH vùng đồng
bào DTTS và MN giai
đoạn 2021-2025

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 9 năm 2021



Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Thực hiện nội dung Công văn số 1233/BCĐTUCTMTQG ngày 06/9/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 -2030 về việc tổng hợp nhu cầu vốn và cam kết giải ngân vốn đầu tư công năm 2021, 2022; UBND tỉnh Quảng Ngãi dự kiến nhu cầu vốn và cam kết giải ngân vốn đầu tư công năm 2021, 2022 Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN như sau:

1. Dự kiến nhu cầu vốn năm 2021 và 2022:

a) Địa bàn thực hiện: Vùng đồng bào DTTS và miền núi, gồm 61 xã và 08 thôn. Trong đó, có 52 xã KV III, 03 xã KV II, 06 xã KV I và 06 thôn ĐBK.

b) Dự kiến nhu cầu vốn năm 2021 (*đề nghị chuyển sang thực hiện năm 2022*) là: **591.900 triệu đồng**. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương là: 467.672 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển là 218.818 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 349.491 triệu đồng*);

- Ngân sách địa phương là: 19.799 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển là 3.713 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 16.086 triệu đồng*);

- Vốn chính sách tín dụng là: 93.538 triệu đồng;

- Vốn huy động khác là: 10.892 triệu đồng.

c) Dự kiến nhu cầu vốn năm 2022 là: 888.859 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương là: 690.094 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển là 290.908 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 399.186 triệu đồng*);

- Ngân sách địa phương là: 31.678 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển là 5.940 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 25.738 triệu đồng*);

- Vốn chính sách tín dụng là: 149.661 triệu đồng;

- Vốn huy động khác là: 17.427 triệu đồng.

(chi tiết tại phụ biểu kèm theo)

2. Về cam kết giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2022

Để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở ngành và địa phương chuẩn bị nội dung, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay Chương trình chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Vì vậy, đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 đề nghị Trung ương xem xét chuyển sang thực hiện năm 2022 để thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục của Luật Đầu tư công. Đối với kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, UBND tỉnh cam kết giải ngân 100% kế hoạch vốn được Trung ương phân bổ theo quy định (bao gồm cả vốn năm 2021 thực hiện năm 2022).

Về giải pháp: Bám sát quyết định phê duyệt Chương trình của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương để xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh. Thực hiện đúng các quy định về đầu tư công theo quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Kiến nghị: Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành:

- Nghị định quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia;

- Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS-MN, giai đoạn 2021- 2025 và Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình. Thông báo vốn thực hiện Chương trình cả giai đoạn 2021 – 2025 và hàng năm để các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện cho phù hợp.

- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm để thực hiện.

Kính báo cáo Ủy ban Dân tộc quan tâm, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT,KTTrên512

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên



**DỰ KIẾN TỔNG NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIẾU SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ DỰ KIẾN VỐN THỰC HIỆN NĂM 2021, 2020 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**
(Kèm theo Công văn số /UBND-KT ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

4757

TT	Chỉ tiêu	Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021 - 2025							Dự kiến kế hoạch vốn năm 2021							Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022						
		Tổng số	NSTW		NSDP		Vốn tín dụng	Vốn huy động khác	Tổng số	NSTW		NSDP		Vốn tín dụng	Vốn huy động khác	Tổng số	NSTW		NSDP		Vốn tín dụng	Vốn huy động khác
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG	3.703.578	1.212.115	1.663.275	24.750	107.241	623.586	72.611	591.900	218.181	249.491	3.713	16.086	93.538	10.892	888.859	290.908	399.186	5.940	25.738	149.661	17.427
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	564.699	81.000	212.389	-	8.364	239.946	23.000	87.135	14.580	31.858	-	1.255	35.992	3.450	135.528	19.440	50.973	-	2.007	57.587	5.520
2	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	269.010	249.340	19.670	-	-	-	-	47.832	44.881	2.951	-	-	-	-	64.562	59.842	4.721	-	-	-	-
3	DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.354.121	29.000	889.637	6.000	8.137	383.640	37.707	203.988	5.220	133.446	900	1.221	57.546	5.656	324.989	6.960	213.513	1.440	1.953	92.074	9.050
4	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	720.050	642.000	78.050	-	-	-	-	127.268	115.560	11.708	-	-	-	-	172.812	154.080	18.732	-	-	-	-
5	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	309.322	131.875	129.287	-	48.160	-	-	50.355	23.738	19.393	-	7.224	-	-	74.237	31.650	31.029	-	11.558	-	-
6	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	166.268	78.900	35.016	18.750	21.698	-	11.904	27.307	14.202	5.252	2.813	3.255	-	1.786	39.904	18.936	8.404	4.500	5.208	-	2.857
7	DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	81.825		66.460		15.365			12.274	-	9.969	-	2.305	-	-	19.638	-	15.950	-	3.688	-	-
8	DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	116.532		116.532		-			17.480	-	17.480	-	-	-	-	27.968	-	27.968	-	-	-	-
9	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	59.751	-	58.117	-	1.634	-	-	8.963	-	8.718	-	245	-	-	14.340	-	13.948	-	392	-	-
10	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	62.000	-	58.117	-	3.883	-	-	9.300	-	8.718	-	582	-	-	14.880	-	13.948	-	932	-	-